

Bản án số: 06/2019/HS-ST

Ngày: 01-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hoàn

2. Bà Lê Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Anh T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 31/8/1996; Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã S, thành phố T, tỉnh TN; Chỗ ở hiện nay: Tổ X, phường V, thành phố T, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn H: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Tất L, sinh năm 1969, con bà: Tều Thị H, sinh năm 1967; Cùng trú tại Xóm Đ, xã S, thành phố T, tỉnh TN; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến ngày 20/11/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Công P, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/02/1991; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ Z, phường C, thành phố T, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn H: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đoàn Văn C, (đã chết), con bà: Nguyễn Long T, sinh năm 1966; Cùng trú tại Tổ Z, phường C, thành phố T, tỉnh TN; có vợ là: Hoàng Thị T, sinh năm 1991, có 02 con chung, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2018; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018 đến ngày

20/11/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn Q, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/6/1987; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ văn H: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1956, con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1956; Cùng trú tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh T; có vợ là: Tống Thị B, sinh năm 1990, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ sáu; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến ngày 20/11/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Triệu Sinh T, sinh năm 1987- Có mặt.

Trú tại: Xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh TN

- **Những người tham gia tố tụng khác:**

+ **Người làm chứng:**

1. Bà Bàn Thị S, sinh năm 1965 – Vắng mặt
2. Ông Triệu Văn D, sinh năm 1965 - Vắng mặt
3. Chị Triệu Thị S, sinh năm 1983 - Vắng mặt
4. Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1965 - Vắng mặt

Đều trú tại: Xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh TN

5. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1969 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh TN

6. Anh Ngô Đình H, sinh năm 1987 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các D liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9 năm 2018, Lê Anh T có thuê của anh Ngô Đình H (sinh năm 1987, trú tại xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh TN) ngôi nhà tại tổ S, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh TN để mở hiệu kinh doanh cho vay cầm đồ, mặc dù chưa có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ theo quy định nhưng T vẫn hoạt động trái pháp luật.

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, T có thuê Đoàn Công P làm thuê cho mình, trả công cho P 3.000.000đ/tháng, công việc hàng ngày của P là dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm. Ngoài ra, từ khi T mở dịch vụ cho vay cầm đồ thì có Trương Văn Q thường xuyên đến quầy của T ở để phụ giúp T trong hoạt động

kinh doanh, khi T không có nhà thì Q sẽ thay T nhận tiền khách vay trả và làm một số công việc khác.

Sáng ngày 20/9/2018 có anh Triệu Sinh T (sinh năm 1987, trú tại xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh TN là bạn của anh Ngô Đình H) đến gặp T đặt vấn đề muốn vay tiền, T đồng ý và bảo Q và P vào nhà T để biết rõ nhà cửa. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T quay lại quầy cầm đồ của T, T bảo T viết giấy vay tiền có nội dung vay số tiền 20.000.000đ nhưng phải viết thành 25.000.000đ, thời hạn trả là 50 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Sau khi vay tiền, T đã trả T 03 ngày được tổng cộng là 1.500.000đ. Đến ngày 24/9/2018 không thấy T trả tiền thì T nhắn tin đòi tiền, T trả lời là *“em chưa có, đang đi làm trả tiền cho anh”*. Đến ngày 02/10/2018, T lại tiếp tục nhắn tin đòi tiền T, do không có tiền nên T đã nhắn tin cho T hỏi vay thêm 10.000.000đ để trả T. Khi thấy T nhắn tin muốn vay thêm tiền, T nảy sinh ý định sẽ lừa T đến quầy cầm đồ của mình rồi giữ T tại quầy, ép người nhà T phải lên trả nợ hoặc viết giấy nhận nợ thay T số tiền T nợ của T chứ không có ý định cho T vay thêm tiền vì T còn nợ tiền chưa trả được. Do vậy, T đã nhắn tin bảo đồng ý cho T vay 10.000.000đ và bảo T cứ đến quầy cầm đồ T H để làm giấy vay tiền, mục đích của T là để lừa được T về quầy cầm đồ của T. Sau đó, T có nói với Đoàn Công P là ngày 03/10/2018 T sẽ đến quầy thì giữ T ở lại không cho về để bắt người nhà T lên trả nợ hoặc viết giấy nhận nợ thay cho T.

Khoảng 9h ngày 03/10/2018, T đi bộ đến quầy cầm đồ T H thì có Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q đang ngồi ở ghế trong quầy cầm đồ. Thấy T đi vào, T bảo P ra đánh T, khi T vừa đi đến cửa phòng thì P từ ghế đi ra cửa dùng chân đá vào hông, sau đó dùng tay đánh vào lưng T bắt T vào ngồi trong ghế sofa kê ở phòng khách. Khi T đi vào ngồi xuống ghế thì Q đến gần dùng tay đánh vào đầu T và nói *“mày trốn nữa đi”*, T trả lời *“em không trốn nữa”*. Sau đó T yêu cầu T gọi điện về nhà cho gia đình mang tiền lên trả nợ thay cho T, nếu không có tiền thì lên viết giấy đứng ra bảo lãnh nhận trách nhiệm trả số tiền 25.000.000đ thì T mới thả cho T về nhà, nếu gia đình không lên thì T không được về nhà và phải ở lại quầy cầm đồ. Do sợ bị đánh nên T gọi điện cho bà Bàn Thị S (sinh năm 1965, trú tại xóm B, xã H, huyện Đ, tỉnh TN là mẹ của T) và nói *“Con đang ở quầy cầm đồ TH, bố mẹ mang tiền đến trả nợ, hoặc không có tiền thì viết giấy bảo lãnh vay tiền của con với anh T thì con mới được về”*, rồi T đưa điện thoại di động của T cho P để P nói chuyện với mẹ T, P nói với mẹ T *“Cô sắp xếp lên trả tiền cho các anh hoặc lên viết giấy bảo lãnh vay tiền cho T để T về”*, sau khi nói xong P đi mua thức ăn, nấu cơm, còn T, Q ở lại quầy trông giữ T, không cho T ra khỏi quầy để chờ người nhà T mang tiền đến trả hoặc đến viết giấy bảo lãnh thì mới cho T về. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Ngô Đình H đến, H nhìn thấy T thì nói *“mày nợ tiền của các anh thì phải trả, bảo gia đình mày lên giải quyết”*, sau khi ăn cơm xong, H đi khỏi quầy cầm đồ, Q lại ép T gọi người nhà lên giải quyết thì T lại tiếp tục điện thoại cho gia đình, khi đang nói chuyện P lấy điện thoại bảo với gia đình T *“cô thương nó thì lên giải quyết để cho T về, nếu gia đình không lên các anh ở quầy xử lý thằng T như nào cháu không biết đâu”* thì mẹ T trả lời *“đang bận, tý nữa sẽ lên”*. Thấy thế, P, Q, T

tiếp tục ngồi trông T tại quầy cầm đồ. Đến khoảng 18h cùng ngày T, Q đi đám cưới, trước khi đi T dặn P ở lại quầy cầm đồ trông, giữ T, khi nào gia đình T lên trả nợ hoặc viết giấy bảo lãnh nhận trả số tiền T vay thì viết hợp đồng vay tiền sau đó bảo gia đình T ký tên, điền chỉ xong thì mới cho T về rồi T, Q đi ra khỏi quầy cầm đồ, chỉ còn lại P ở quầy trông giữ T.

Sau khi biết con trai mình là Triệu Sinh T bị bắt, giữ tại quầy cầm đồ của T, bà Bàn Thị S đã bảo chồng là Triệu Văn Đ (sinh năm 1965) viết đơn trình báo đến Công an huyện Đồng Hỷ. Đến hồi 18h20 phút cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Đồng Hỷ đến quầy cầm đồ TH đã phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đoàn Công P về hành vi “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt D sản” và thu giữ tang gồm: 01 bản hợp đồng vay tiền đánh máy, chưa điền tên; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu trắng, bên trong lắp sim 0869.758.555; 01 hộp mực in dấu vân tay, nắp màu trắng, đáy hộp màu đen, trên nắp hộp mực ghi chữ “Shig S -1”; 01 đầu thu dữ liệu Camera, màu đen, mặt trước và nắp đáy có ghi chữ “NISOKA”, số loại NS – 4208V rồi đưa về Công an huyện Đồng Hỷ để xem xét xử lý theo thẩm quyền.

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 03/10/2018 tiến hành khám xét khẩn cấp tại quầy cầm đồ TH, kết quả thu giữ bên trong tủ sắt kê tại gian phòng khách gồm: 01 hợp đồng vay tiền có nội dung ngày 20/9/2018, Triệu Sinh T có vay của Lê Anh T, địa chỉ tổ Z, phường V, Tp T số tiền là 25.000.000đ. Thu giữ bên trong quyển sổ màu vàng để tại ngăn tủ thứ 3 từ dưới lên 01 gói có chứa sợi màu nâu dạng thảo dược (nghĩ là ma túy cô), thu giữ tại hộp đựng kính để trong tủ sắt 01 gói nilon chứa nhiều sợi màu Vàng (nghĩ là ma túy). Thu giữ 01 chiếc kết sắt kê tại gian phòng khách, kết sắt có kích thước 69cm x 42cm x 29,4cm, mở bên trong xác định có 59.600.000đ.

Đến ngày 10/10/2018, Lê Anh T và Trương Văn Q đến Công an huyện Đồng Hỷ đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tiến hành cân xác định trọng lượng số thảo mộc khô, màu vàng thu giữ của Lê Anh T khi khám xét ngày 03/10/2018 là 2,353 gam, số thảo mộc khô, màu nâu là 2,174 gam, đồng thời lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định – ký hiệu G và H).

Tại Bản kết luận giám định số 6091/C09 (TT2) ngày 09/11/2018 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an, kết luận: Mẫu thảo mộc khô, màu Nâu là Cần sa, mẫu thảo mộc khô, màu Vàng có chứa chất 5- Fluoro- MDMB- PICA (5F MDMB – PICA); không tìm thấy chất ma túy trong mẫu giám định.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc kết sắt có kích thước 69cm x 42cm x 29,4cm ngày 21/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả cho Lê Anh T quản lý và sử dụng.

- 01 chiếc đầu thu giữ liệu Camera “NISOKA” Model SN-4208V; 01 điện thoại di động NOKIA màu hồng trắng, số seri1: 358573082600275, số seri2: 358573086170275 gắn sim số 0869.758.555; 01 hộp mực in dấu vân tay có nắp

màu trắng có chữ Shig S -1; 02 gói nilon màu trắng bên trong có lá cây Cần sa và chất thảo mộc khô màu vàng; số tiền 59.600.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSDH, ngày 24/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- + Bị cáo Trương Văn Q từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- + Bị cáo Đoàn Văn P từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án:

- + Trả cho bị cáo Lê Anh T: 01 hộp mực in dầu vân tay có nắp màu trắng có chữ Shig S-1; 01 điện thoại di động NOKIA màu hồng trắng, số seri1: 358573082600275, số seri2: 358573086170275 gắn sim số 0869.758.555; 01 chiếc đầu thu giữ liệu Camera “NISOCA” Model SN-4208V và số tiền 59.600.000 đồng, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo T hành án.

- + Tịch thu tiêu hủy: 02 gói nilon màu trắng bên trong có lá cây cần sa và chất thảo mộc khô màu vàng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các D liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 20/9/2018, Triệu Sinh T có vay của Lê Anh T là chủ hiệu cầm đồ T H số tiền 25.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000.000 đồng), hình thức trả góp, mỗi ngày trả 500.000 đồng bao gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi. Việc vay nợ hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Quá trình thực hiện, T mới trả cho T được 03 ngày với số tiền là 1.500.000 đồng, sau đó T không có tiền trả tiếp cho T. T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho T nhưng T chưa có tiền trả cho T.

Ngày 02/10/2018 T nhắn tin cho T hỏi vay thêm 10.000.000 đồng mục đích là để chơi chứng khoán lấy tiền trả cho T. Do nhiều lần tìm T nhưng không thấy nên T đã nảy sinh ý định sẽ lừa T đến quầy cầm đồ của mình rồi giữ T tại quầy, ép người nhà T phải lên trả nợ hoặc viết giấy nhận nợ thay T số tiền T nợ của T; do vậy, T đã nhắn tin bảo đồng ý cho T vay thêm 10.000.000 đồng mục đích là để lừa T đến quầy cầm đồ của mình chứ không có ý định cho T vay thêm tiền.

Sáng ngày 03/10/2018, T nói với Đoàn Công P là khi T đến quầy cầm đồ thì sẽ giữ T tại quầy cầm đồ không cho T về để người nhà T lên trả số tiền T nợ hoặc viết giấy nhận nợ thay cho T. Khoảng 09 giờ ngày 03/10/2018 khi T đến quầy cầm đồ của T để vay tiền thì bị Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q giữ lại. Do bức tức vì phải tìm T nhiều lần nên P và Q đã đánh đấm rồi bắt ép T nhiều lần gọi điện thoại về nhà để bảo người nhà mang tiền lên trả nợ thay, hoặc viết giấy nhận nợ bảo lãnh thì mới cho T về. Các đối tượng bắt giữ T từ 09 giờ đến 18 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đồng Hỷ phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Anh T, Trương Văn Q và Đoàn Công P đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo, biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi dùng thủ đoạn lừa dối T đến quầy cầm đồ, giữ T lại một cách trái pháp luật, ép buộc T phải nhiều lần gọi điện thoại về cho bố, mẹ, cô ruột của T; đồng thời, có những lời nói đe dọa sẽ xử lý T nếu gia đình T không đem tiền đến trả nợ hoặc viết giấy nhận nợ thay cho T, mục đích là để chiếm đoạt tài sản của bố mẹ T, mặc dù giữa bố mẹ T và các bị cáo không có quan hệ vay mượn D sản. Hành vi của các bị cáo như nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quan hệ nhân thân, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của con người, quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội “Bắt

cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 169 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

.....

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[2]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án mà các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo T là người chủ mưu, đã chỉ đạo bị cáo P và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo P là người trực tiếp thực hiện tội phạm một cách tích cực; bị cáo Q là người trực tiếp thực hiện tội phạm mặc dù không được bị cáo T nhờ hay giao nhiệm vụ. Do đó, bị cáo T giữ vai trò chính; các bị cáo P, Q tham gia một cách tích cực nên có vai trò như nhau trong vụ án.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T và Q sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đơn xin được cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị; ngoài ra, trong vụ án này, nguyên nhân một phần là do bị hại anh T có quan hệ vay nợ đối với các bị cáo nhưng không thực hiện đúng cam kết dẫn đến các bị cáo có hành vi trái pháp luật. Do đó, khi xem xét lượng hình có thể giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 169 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị phạt bổ sung bằng tiền, phạt quản chế, cấm cư trú hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; nhưng xét thấy, trong vụ án này đối với bị cáo Lê Anh T là người giữ vai trò chính, phạm tội nhằm mục đích thu lợi, bị cáo có D sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo Trương Văn Q và Đoàn Công P chỉ là người làm thuê cho bị cáo T, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường Tết hại về tinh thần cho bị hại anh T số tiền 2.000.000đ; tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí và không có ý kiến gì thêm; bị hại anh T xác nhận đã nhận đủ khoản tiền bồi thường trên và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc két sắt có kích thước 69cm x 42cm x 29,4cm thu giữ tại quầy cầm đồ T H, thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Lê Anh T. Quá trình điều tra đã xác định được chiếc két sắt trên không có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên ngày 21/11/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả cho T quản lý và sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 hộp mực in dấu vân tay có nắp màu trắng có chữ Shig S-1; 02 gói nilon màu trắng bên trong có lá cây Cần sa và chất thảo mộc khô màu vàng, không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động NOKIA màu hồng trắng, số seri 1: 358573082600275, số seri 2: 358573086170275 gắn sim số 0869.758.555 là chiếc điện thoại của T giao cho P phục vụ việc kinh doanh cầm đồ; đối với 01 chiếc đầu thu giữ liệu Camera “NISOCA” Model SN-4208V và số tiền 59.600.000 đồng là D sản của T không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 59.600.000 đồng để đảm bảo T hành án cho bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử; Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này có Ngô Đình H là người có mặt tại quầy cầm đồ TH ngày 03/10/2018, H biết T có nợ tiền và đang ngồi tại quầy cầm đồ; tuy

nhiên H không biết các bị cáo đang bắt cóc T nhằm chiếm đoạt tài sản và cũng không tham gia vào quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ không xem xét, xử lý đối với H.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Anh T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên ngày 30/12/2018 Công an huyện Đồng Hỷ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T theo quy định.

Đối với hành vi kinh doanh dịch vụ cầm đồ không có giấy đăng ký kinh doanh của Lê Anh T, ngày 17/12/2018 Công an huyện Đồng Hỷ đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ xử phạt theo quy định.

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lê Anh T, quá trình điều tra xác định không đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ không xử lý đối với T.

Việc xem xét, xử lý của Công an huyện Đồng Hỷ như nêu trên là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”;

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Lê Anh T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Lê Anh T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ **Đoàn Công P** 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ **Trương Văn Q** 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Lê Anh T cho Ủy ban nhân dân xã S, thành phố T, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đoàn Công P cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp mực in dấu vân tay có nắp màu trắng có chữ Shig S-1; 02 (hai) gói ni lông bên trong có thảo mộc khô màu nâu và thảo mộc khô màu vàng được niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Lê Anh T: 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu hồng trắng, số seri 1: 358573082600275, số seri 2: 358573086170275, bên trong lắp một sim có số thuê bao 0869.758.555; 01 (một) chiếc đầu thu giữ liệu Camera “NiSoCa” Model SN-4208V và số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được niêm phong trong phong bì ký hiệu **B1**; tuy nhiên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo Thi hành án cho bị cáo khoản tiền phạt bổ sung và tiền án phí.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2019 giữa Công an huyện Đồng Hỷ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Hỷ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Anh T, Đoàn Công P và Trương Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại; báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND phường Chùa Hang, TPTN;
- UBND xã S, TPTN;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Huy Bắc